TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:355/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 4 năm 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Đẹp
2. Ông Dương Văn Quí

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Phượng Nghĩa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1503/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T V B, sinh 1989 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: 43/3A ấp Đ, xã T, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà N T P, sinh 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: 43/3A ấp Đ, xã T, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2020, bản tự khai ngày 11/01/2021 và các biên bản hòa giải không được, nguyên đơn ông T V B trình bày:

Ông T V B và bà N T P tự nguyện tìm hiểu, cưới và đăng ký kết hôn ngày 01/02/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2010. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ tháng 02/2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do hai bên không hợp nhau về tính cách cũng như lối sống, hàng ngày cải nhau và chửi nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc.

Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với bà N T P.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con tên T T N A, sinh ngày 12/4/2013; T T A, sinh ngày 09/9/2019. Sau khi ly hôn ông T V B đồng ý giao 02 con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/trẻ cho đến khi các trẻ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B khai không có.

Bị đơn bà N T P, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà P nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 19/02/2021, ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi hội đồng xét xử nghị án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn xét thấy Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân đều tuân theo đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông T V B và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông T V B khởi kiện ly hôn với bà N T P. Bị đơn bà N T P cư trú tại 43/3A ấp Đ, xã T, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Ngày 19/02/2021, ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà N T P, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà P nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Căn cứ vào các Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Ông T V B yêu cầu được ly hôn với bà N T P. Về con chung: 02 con tên T T N A, sinh ngày 12/4/2013; T T A, sinh ngày 09/9/2019. Sau khi ly hôn ông T V B đồng ý giao 02 con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/trẻ cho đến khi các trẻ tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Ông B khai không có và không có yêu cầu gì.

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Ông T V B yêu cầu được ly hôn với bà N T P.

Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ông T V B và bà N T P đăng ký kết hôn ngày 01/02/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2010. Theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của ông B và bà P là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà P là có thật, bởi lẽ:

Trong đơn kiện và trong các bản tự khai của ông B thể hiện, quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ tháng 02/2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do hai bên không hợp nhau về tính cách cũng như lối sống, hàng ngày cải nhau và chửi nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc.

Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với bà N T P.

Bị đơn bà N T P, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà P. Bà có mặt tại địa phương, biết ông B yêu cầu ly hôn nhưng vắng mặt không rõ lý do, bỏ mặc hôn nhân. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông B và bà P quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông B cương quyết ly hôn nên khả năng đoàn tụ giữa ông B với bà P lại càng không có. Do đó ông B yêu cầu được ly hôn với bà P là có cơ sở theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông T V B và bà N T P có 02 con tên T T N A, sinh ngày 12/4/2013; T T A, sinh ngày 09/9/2019.

Hội đồng xét xử nhận đinh như sau:

Ông B đồng ý giao 02 trẻ hiện tên T T N A, sinh ngày 12/4/2013; T T A, sinh ngày 09/9/2019 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, điều này phù hợp với nguyện vọng của trẻ A là có cơ sở chấp nhận.

Việc ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/trẻ cho đến khi các trẻ tròn 18 tuổi sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B khai không có, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có cơ sở pháp lý.

Chính vì những phân tích nên trên nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T V B với bà N T P về ly hôn; con chung; tài sản chung; nợ chung.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân gia đinh 300.000 đồng: Ông T V B phải chịu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng: Ông T V B phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T V B với bà N T P.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T V B được ly hôn với bà N T P.

[1.2] Về con chung: 02 con tên T T N A, sinh ngày 12/4/2013; T T A, sinh ngày 09/9/2019.

Giao 02 trẻ tên T T N A, sinh ngày 12/4/2013; T T A, sinh ngày 09/9/2019 cho bà Ng T P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/trẻ cho đến khi các trẻ tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông B vẫn chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án nêu trên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[1.3] Về tài sản, nợ chung: Ông T V B khai không có.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng: Ông T V B phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0077306 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng: Ông T V B phải chịu.

Thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An(giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển 01/2010 ngày 01/02/2010);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt